CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT ***PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness***
Số./*No.*: 71/PDV-CBTT V/v: CBTT Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 và giải trình lợi nhuận giảm sau thuế/*Disclosure of the Audited Financial Statements for 2025 and Explanation of Decrease in profit after tax*	TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2026 *Ho Chi Minh City ,March 25th, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- **Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
- **Quý Cổ đông**

To:
- ***State Securities Commission of Vietnam***
- ***Ho Chi Minh City Stock Exchange***
- ***Valued shareholders***

1. **Tên tổ chức/Name of organization:** Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt/ Phuong Dong Viet Shipping and Logistics Corporation
- Mã chứng khoán/ *Stock code*: PDV
- Địa chỉ/*Address*: Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ *Floor 8, Citilight Tower, 45 Vo Thi Sau Street, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam.*
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: (028) 62911 281 Fax: (028) 62911 280
- E-mail: info@pvtlogistics.vn

2. **Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:**

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics) đã ban hành Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 và giải trình lợi nhuận giảm sau thuế/ *Phuong Dong Viet Shipping and Logistics Corporation (PVT Logistics) has issued the Audited Financial Statements for the year 2025 and the Explanation for the decrease in profit after tax.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/03/2026 tại đường dẫn: https://pvtlogistics.vn/*This information was published on the Company's website on March 25th, 2026 at: https://pvtlogistics.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate and and we are fully responsible under applicable laws for the contents of this disclosure.*

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
GIÁM ĐỐC/*DIRECTOR*

Lê Trúc Lâm

Nơi nhận/*Recipients:*
- Như trên/ *As stated above*;
- HĐQT, Ban KS/ *B.O.D, B.O.S*;
- Lưu: VT, TCKTKH, TH (1b)/ Archived.

Đính kèm/Attached:
- BCTC đã kiểm toán năm 2025/ *Audited Financial Statements for 2025.*

CÔNG TY C° PHЬIN V¤N TЧI VÀ TIε P V¤N PHh ч NG ŋÔNG VI¨ T

Digitally signed by CÔNG TY C° PHЬIN V¤N TЧI VÀ TIε P V¤N PHh ч NG ŋÔNG VI¨ T
DN: cn=CÔNG TY C° PHЬIN V¤N TЧI VÀ TIε P V¤N PHh ч NG ŋÔNG VI¨ T c=VN l=TPHCM e=ACCOUNTING@PVTLOGISTICS.VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-03-25 17:08+07:00

TỔNG CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
CÔNG TY CP VT VÀ TV PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT
PHUONG DONG VIET SHIPPING AND LOGISTICS CORPORATION

Số/*No*: 74/PDV-TCKTKH
V/v: Giảm lợi nhuận sau thuế/Explanation of the decrease in profit after tax.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Tp.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2026
Ho Chi Minh City, March *25th, 2026*

Kính gửi: – **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
– **Quý cổ đông**

To: – ***Ho Chi Minh City Stock Exchange***
– ***Valued shareholders***

Thực hiện quy định tại khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, và căn cứ Báo cáo tài chính chính đã kiểm toán năm 2025 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31/12/2025. Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (PVT Logistics) giải trình về việc tăng lợi nhuận sau thuế như sau:/ *Pursuant to Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 issued by the Ministry of Finance on information disclosure in the securities market, and based on the Audited Financial Statements for the fiscal year ended December 31, 2025, Phuong Dong Viet Shipping and Logistics Corporation (PVT Logistics) hereby provides explanation for the decrease in profit after tax as follows:*

Về doanh thu và lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 so với Báo cáo tài chính đã kiểm toán cùng kỳ năm trước như sau:/ *Comparison of revenue and profit after tax as presented in the Audited Financial Statements for the fiscal year 2025 and the corresponding period of 2024 is as follows:*

Nội dung/*Content*	**BCTC kiểm toán năm 2025 (VND)** *Audited Financial Statements for 2025*	**BCTC kiểm toán năm 2024 (VND)** *Audited Financial Statements for 2024*	**Chênh lệch** ***Differences***	**%CL 2025/2024** ***%Dif 2025/2024***
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ/ ***Net revenue from sales and services***	1.937.573.661.632	1.362.277.289.608	575.296.372.024	42,23%
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế/ ***Total accounting profit after tax***	89.567.912.106	224.355.522.439	(134.787.610.333)	-60,08%

Nguyên nhân chính lợi nhuận sau thuế trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024/ *Main reasons for the decrease in profit after tax in the Audited Financial Statements for 2025 compared to the corresponding period of 2024:*

- Trong năm 2024, lợi nhuận cao hơn do phát sinh thêm lợi nhuận từ bán tàu PVT Synergy. Đồng thời, năm 2025, Công ty có 03 tàu lên đà (dock) sữa chữa định kỳ nên tàu đã phải dừng ngày khai thác, ngoài ra tỷ giá tăng hơn 3% làm tăng chi phí

tài chính. Vì vậy, làm giảm lợi nhuận sau thuế năm 2025 so với cùng kỳ năm trước.

- *Profit in 2024 was positively impacted by the gain from the disposal of the vessel PVT Synergy. In 2025, three vessels underwent scheduled dry-docking, resulting in reduced operating days. Furthermore, exchange rates increased by over 3%, which contributed to higher finance costs. As a result, profit after tax in 2025 declined compared to the corresponding period of the prior year.*

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt xin giải trình với Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về biến động Kết quả Sản xuất Kinh doanh nêu trên. Công ty cam kết các thông tin công bố là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *Phuong Dong Viet Shipping and Logistics Corporation (PVT Logistics) hereby reports to the Ho Chi Minh City Stock Exchange on the above-mentioned fluctuations in business performance. We hereby represent and warrant that the information disclosed above is true, accurate and complete, and we assume full legal responsibility for the contents of such disclosure.*

Trân trọng!/ *Sincerely*!

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE PERSON
GIÁM ĐỐC/*DIRECTOR*

Lê Trúc Lâm

Nơi nhận/*Recipients*:
- Như trên/*As stated above*;
- HĐQT, Ban KS/*BOD, BOS*;
- TCKTKH, Website/*Finance, Accounting and Planning Department, Website*;
- Lưu: VT, HĐQT (1b)/*Archives, BOD (1b).*

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ TIẾP VẬN PHƯƠNG ĐÔNG VIỆT

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Lê Trúc Lâm	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025) Thành viên từ ngày 01 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)
Ông Hoàng Minh Tuân	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2025)

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Lê Trúc Lâm	Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Hồ Sĩ Thuận	Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2025)
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 08 tháng 1 năm 2025)
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Lê Trúc Lâm
Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Deloitte.

Chi nhánh Công ty TNHH
Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Điện thoại: +84 28 710 14555
www.deloitte.com/vn

Số: 0366 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.C.N: 0100112500-002-C.T.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Thu Sang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 23 tháng 3 năm 2026
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2023-001-1

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**583.475.230.175**	**636.901.664.548**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**248.068.287.470**	**220.877.351.697**
1. Tiền	111		38.068.287.470	40.877.351.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		210.000.000.000	180.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**20.000.000.000**	**190.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	20.000.000.000	190.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**168.060.011.879**	**119.382.879.882**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	96.705.554.865	66.065.320.579
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.153.167.172	6.711.072.999
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	79.533.647.257	56.938.843.719
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(10.332.357.415)	(10.332.357.415)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**49.725.236.965**	**34.200.705.229**
1. Hàng tồn kho	141	11	49.725.236.965	34.200.705.229
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**97.621.693.861**	**72.440.727.740**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	16.155.657.506	15.961.733.613
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		81.456.270.200	56.468.727.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	9.766.155	10.266.155
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.650.557.527.014**	**1.527.788.990.670**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**16.082.198.448**	**16.030.944.910**
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	16.082.198.448	16.030.944.910
II. Tài sản cố định	**220**		**1.512.817.154.046**	**1.388.203.606.944**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.512.668.844.615	1.387.976.630.841
- Nguyên giá	*222*		*1.941.927.077.976*	*1.630.775.235.014*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(429.258.233.361)*	*(242.798.604.173)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	148.309.431	226.976.103
- Nguyên giá	*228*		*518.000.000*	*518.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(369.690.569)*	*(291.023.897)*
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**121.658.174.520**	**123.554.438.816**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	119.032.216.196	121.602.115.903
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.625.958.324	1.952.322.913
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2.234.032.757.189**	**2.164.690.655.218**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.192.920.299.619**	**1.165.515.017.795**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**389.147.014.109**	**376.285.526.511**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	97.417.759.759	133.305.952.010
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	83.789.246	531.677.010
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.578.739.363	21.705.286.491
4. Phải trả người lao động	314		20.790.365.490	32.578.096.046
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	27.616.218.578	7.406.252.669
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	5.901.784.712	16.369.555.412
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	20.188.149.800	21.370.558.640
8. Vay ngắn hạn	320	21	190.856.116.461	136.396.814.492
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		16.714.090.700	6.621.333.741
II. Nợ dài hạn	**330**		**803.773.285.510**	**789.229.491.284**
1. Vay dài hạn	338	21	803.773.285.510	789.229.491.284
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.041.112.457.570**	**999.175.637.423**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**22**	**1.041.112.457.570**	**999.175.637.423**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		793.149.260.000	660.959.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*793.149.260.000*	*660.959.660.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(406.154.545)	(406.154.545)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		113.866.482.254	113.866.482.254
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.502.869.861	224.755.649.714
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*44.934.957.755*	*400.127.275*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*89.567.912.106*	*224.355.522.439*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.234.032.757.189**	**2.164.690.655.218**

Lê Thị Thu Hồng	Nguyễn Thái Đạo	Lê Trúc Lâm
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**1.937.573.661.632**	**1.362.277.289.608**
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	**10**	**26**	**1.937.573.661.632**	**1.362.277.289.608**
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.769.673.441.986	1.145.480.096.892
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**167.900.219.646**	**216.797.192.716**
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	25.213.016.797	28.736.674.351
6. Chi phí tài chính	22	30	68.431.579.000	64.274.442.501
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*62.639.901.298*	*44.954.200.631*
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	54.122.844.310	61.404.665.626
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	**30**		**70.558.813.133**	**119.854.758.940**
9. Thu nhập khác	31	32	43.988.370.314	161.042.352.349
10. Chi phí khác	32		3.549.351.554	499.010.252
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**40.439.018.760**	**160.543.342.097**
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**110.997.831.893**	**280.398.101.037**
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	22.103.555.198	56.042.578.598
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(673.635.411)	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**89.567.912.106**	**224.355.522.439**
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.255	3.145

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***110.997.831.893***	***280.398.101.037***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	186.538.295.860	112.624.001.189
Các khoản dự phòng	03	-	(8.924.154.792)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	873.738.227	(2.310.017.420)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.802.924.236)	(167.061.623.708)
Chi phí lãi vay	06	62.639.901.298	44.954.200.631
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***347.246.843.042***	***259.680.506.937***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(74.812.152.483)	(32.614.419.659)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.524.531.736)	(20.674.023.216)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(40.751.313.159)	30.091.287.602
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.375.975.814	8.318.791.998
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.370.902.105)	(42.502.961.657)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(33.383.777.906)	(37.300.723.827)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.490.352.000)	(4.814.508.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***119.289.789.467***	***160.183.950.178***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(312.361.881.118)	(813.312.543.337)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	295.681.181.673
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(190.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	210.000.000.000	81.000.000.000
5. Thu lãi tiền gửi	27	16.137.581.772	5.941.108.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(126.224.299.346)***	***(620.690.253.433)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	230.086.350.000
2. Tiền chi cho chi phí phát hành cổ phiếu	32	-	(244.100.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	211.000.000.000	561.340.850.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(144.196.828.112)	(168.018.193.372)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.445.989.470)	(41.280.974.280)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***34.357.182.418***	***581.883.932.348***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**27.422.672.539**	**121.377.629.093**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**220.877.351.697**	**99.440.958.302**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(231.736.766)	58.764.302
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**248.068.287.470**	**220.877.351.697**

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006478 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 4 năm 2007, các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức lần đầu tiên tại sàn giao dịch UpCom vào ngày 20 tháng 4 năm 2017 với mã chứng khoán là PDV. Theo Quyết định số 969/QĐ-SGDHCM ngày 24 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn tất chuyển sàn giao dịch Cổ phiếu công ty sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PDV và chính thức giao dịch trên sàn từ ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 449 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 429 người).

Hoạt động chính

- Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương. Chi tiết: Kinh doanh vận tải biển. Mã ngành: 5012
- Sản phẩm/dịch vụ chính: Kinh doanh vận tải biển và kinh doanh thương mại; Khai thác tàu; Đại lý tàu biển; Quản lý và cung ứng thuyền viên; Quản lý tàu

Trong năm 2025, Công ty đã mua thêm 01 tàu mới là PVT Emerald trong quý 3 năm 2025, nâng tổng số tàu do Công ty sở hữu lên 06 tàu (PVT Venus, PVT Neptune, PVT Jupiter, PVT Topaz, PVT Coral và PVT Emerald). Bên cạnh đó, Công ty cũng đang thuê từ Cổ đông lớn là Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans") 04 tàu để sử dụng cho dịch vụ vận chuyển (PVT Saturn, PVT Diamond, PVT Flora và PVT Pearl).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 chi nhánh phụ thuộc với tên là Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt - Trung tâm thuyền viên PV Trans (gọi tắt là "Chi nhánh"), tại địa chỉ số 232 đường Nguyễn Văn Hưởng, Phường Thảo Điền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền đang chuyển, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 03 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải	07 - 12
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính. Phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 đến 05 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm, vật tư đội tàu và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hoạt động. Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê tàu, chi phí sửa chữa tàu định kỳ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước liên quan đến một hay nhiều kỳ kế toán cho dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải chưa được cung cấp. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong năm tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Việc trích và sử dụng quỹ đầu tư phát triển tuân thủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân phối bao gồm chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được phê duyệt. Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	261.312.432	347.321.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.806.975.038	40.530.029.902
Các khoản tương đương tiền	210.000.000.000	180.000.000.000
	248.068.287.470	**220.877.351.697**

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một (01) tuần đến ba (03) tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 0,5%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một (01) đến ba (03) tháng với lãi suất được hưởng từ 3,7%/năm đến 4,75%/năm).

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (06) tháng với lãi suất được hưởng là 5,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn sáu (06) tháng và chín (09) tháng với lãi suất được hưởng là từ 4,8%/năm đến 5,7%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Argo Navigation S.A.	17.602.015.941	-
Xianglong Shipping Pte. Ltd.	17.309.981.705	-
Stainless Tankers Inc.	12.616.909.490	2.160.879.071
Jeyst Shipping Pte. Ltd.	11.992.280.068	-
Asiana Marine Inc.	10.698.036.835	-
Marida Tankers Inc.	9.683.149.723	15.380.482.074
Jade Alliance Shipping Pte. Ltd.	9.613.385.664	220.205.133
Elder Triumphant Shipping Lines Pte Limited	-	14.524.499.435
Công ty Cổ phần Stavian Hóa Chất	-	11.176.339.488
Norvic Shipping Asia Pte Ltd	-	11.079.060.582
Lynux Shipping Limited	-	9.245.015.659
Các đối tượng khác	6.026.880.306	41.898.732
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.153.915.133	1.652.867.652
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	584.072.753
	96.705.554.865	**66.065.320.579**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
SAACKE GmbH	357.194.867	305.123.373
Shanghai Tide Ship Technology Co., Ltd.	220.735.200	-
Oceania Marine Engineering Works	214.392.282	-
Oriental Inspection & Service Co., Ltd	-	3.991.647.350
Musasino Marine and Offshore Pte., Ltd	-	459.969.960
Các đối tượng khác	1.360.844.823	1.954.332.316
	2.153.167.172	**6.711.072.999**

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
a. Bên thứ ba		
Tạm ứng cho nhân viên	2.823.633.092	4.393.377.765
Ký cược, ký quỹ (i)	26.099.442.250	21.308.350.530
Bhatt & Saldanha (ii)	9.761.614.565	9.761.614.565
West of England (Hellas) SARL (iii)	22.641.824.636	-
Bồi thường bảo hiểm	4.302.244.217	-
Khác	2.361.727.846	4.116.021.499
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (iv)	11.343.400.377	17.277.725.935
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	199.760.274	81.753.425
	79.533.647.257	**56.938.843.719**
Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ phải thu từ bên thứ ba	1.310.558.448	1.259.304.910
Ký cược, ký quỹ phải thu từ bên liên quan (v)	14.771.640.000	14.771.640.000
	16.082.198.448	**16.030.944.910**

(i) Đây là khoản tiền mà Công ty ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng khi cho các tàu PVT Neptune, PVT Venus, PVT Flora và PVT Jupiter tham gia Womar Pool theo các hợp đồng Pool Agreement lần lượt ngày 05 tháng 5 năm 2021, ngày 01 tháng 11 năm 2021, ngày 22 tháng 02 năm 2022 và ngày 16 tháng 01 năm 2025 với tổng giá trị là 950.000 Đô la Mỹ tương đương với 24.773.150.000 đồng trong 12 tháng; và các khoản tiền đặt cọc khác với giá trị 1.326.292.250 đồng.

(ii) Đây là khoản tiền đặt cọc để giải phóng tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Tàu PV Oil Jupiter và tàu PV Oil Venus bị bắt giữ theo yêu cầu của First Fuel và Monjasa bởi tòa án tại Calcutta và theo yêu cầu của Bunkernet bởi toà án tại Hyderabad của Ấn Độ vào tháng 02 năm 2018 và tháng 10 năm 2018 do hai tàu này bị kiện liên quan đến công nợ cấp nhiên liệu chưa được thanh toán của người thuê tàu là Seahub Shipping & Logistics PV LTD và Stella Tankers (Sigapore) Pte Ltd. Liên quan đến các vụ bắt giữ tàu này, Công ty đã chỉ định luật sư Bhatt & Saldanha và Dzung & Associates thực hiện thủ tục bảo lãnh thả tàu. Công ty đã chuyển số tiền bảo lãnh là 275.096,52 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Jupiter) và 136.265,24 Đô la Mỹ (cho tàu PV Oil Venus) để tòa giải phóng tàu thông qua luật sư Bhatt & Saldanha. Thủ tục bảo lãnh thả tàu được hoàn tất và tàu PV Oil Jupiter đã được thả vào ngày 23 tháng 02 năm 2018, tàu PV Oil Venus được thả vào ngày 31 tháng 10 năm 2018. Tại ngày báo cáo này, các vụ việc vẫn chưa được giải quyết xong bởi tòa án Ấn Độ, Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi vụ kiện. Dựa trên các thông tin mới nhất về tình hình vụ kiện, Ban Giám đốc Công ty đánh giá khoản đặt cọc này khó có khả năng thu hồi được và Công ty đã lập dự phòng 100% cho khoản tiền này.

(iii) Đây là khoản bồi thường phải thu từ các bên có liên quan đến sự cố va chạm tàu PVT Saturn tại khu neo đậu CJK, Thượng Hải, Trung Quốc vào ngày 23 tháng 11 năm 2022.

(iv) Đây là tiền cước thuê tàu của tàu PVT Flora từ ngày 26 tháng 11 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025 mà Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí thu hộ Công ty từ khách hàng Stainless Tankers Inc.

(v) Đây là khoản tiền mà Công ty đặt cọc để đảm bảo thuê tàu PVT Saturn và PVT Pearl từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí lần lượt theo phụ lục hợp đồng số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của hợp đồng thuê tàu số 100/HD2017/PVT-PDV và hợp đồng thuê tàu số 152/HD2023/PVT-PVTL ngày 27 tháng 9 năm 2023.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Đối tượng Nợ	Giá gốc	Số lập dự phòng	Giá gốc	Số lập dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Văn phòng luật sư Bhatt & Saldanha	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565	9.761.614.565
Khác	570.742.850	570.742.850	570.742.850	570.742.850
	10.332.357.415	**10.332.357.415**	**10.332.357.415**	**10.332.357.415**

11. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên các tàu tại ngày kết thúc niên độ, được sử dụng trong quá trình vận hành tàu. Ban Giám đốc Công ty đánh giá hàng tồn kho không có khả năng giảm giá trị hay hư hỏng nên không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	7.719.384.222	6.822.305.990
Vật tư đội tàu	2.384.610.497	2.430.727.258
Các khoản khác	6.051.662.787	6.708.700.365
	16.155.657.506	**15.961.733.613**
b. Dài hạn		
Chi phí thuê tàu		
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Flora	12.748.904.610	18.493.781.378
Cước thuê tàu trả trước tàu PVT Diamond	7.620.104.833	10.924.557.889
Chi phí sửa chữa lớn		
Chi phí sửa chữa lớn tàu Pearl	35.634.707.053	26.242.084.468
Chi phí sữa chữa tàu lớn Flora	20.803.778.681	10.603.176.885
Chi phí sửa chữa lớn tàu Venus	20.193.818.975	5.730.072.662
Chi phí sửa chữa lớn tàu Diamond	9.758.338.962	17.062.367.319
Chi phí sửa chữa lớn tàu Neptune	2.928.666.641	9.912.410.170
Chi phí sữa chữa tàu lớn Saturn	2.796.866.414	9.015.744.572
Chi phí sữa chữa lớn tàu Jupiter	1.532.316.101	7.946.662.573
Các khoản khác	5.014.713.926	5.671.257.987
	119.032.216.196	**121.602.115.903**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	1.629.052.672.297	1.722.562.717	1.630.775.235.014
Tăng trong năm	311.119.761.144	32.081.818	311.151.842.962
Số cuối năm	1.940.172.433.441	1.754.644.535	1.941.927.077.976
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	241.737.926.284	1.060.677.889	242.798.604.173
Khấu hao trong năm	186.176.368.135	283.261.053	186.459.629.188
Số dư cuối năm	427.914.294.419	1.343.938.942	429.258.233.361
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	**1.387.314.746.013**	**661.884.828**	**1.387.976.630.841**
Số dư cuối năm	**1.512.258.139.022**	**410.705.593**	**1.512.668.844.615**

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của Công ty là các tàu biển với tổng nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 lần lượt là 1.940.172.433.441 đồng và 1.512.258.139.022 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: lần lượt là 1.629.052.672.297 đồng và 1.387.314.746.013 đồng) dùng để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 949.260.919 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 753.392.579 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 đang chờ thanh lý nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị lần lượt là 204.943.501.469 đồng và 98.271.009.838 đồng.

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	518.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	291.023.897
Khấu hao trong năm	78.666.672
Số dư cuối năm	369.690.569
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	**226.976.103**
Số dư cuối năm	**148.309.431**

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 218.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 218.000.000 đồng).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Thương mại Và Dịch vụ VOSCO	4.798.641.232	7.376.373.376
Công ty Cổ phần Inter Petro	4.578.169.011	4.242.733.360
Integr8 Fuels Pte Ltd	4.155.277.747	-
Công ty Cổ phần Đầu tư GLC	3.729.297.727	1.626.343.931
Công ty TNHH Kỹ thuật Hàng hải Bách Lâm	1.328.433.480	253.955.345
Chengxi Shipyard Co.Ltd	-	13.986.952.118
Công ty TNHH Stanex	-	11.168.671.250
International Marine & Energy DMCC	-	9.454.272.428
Phải trả cho các đối tượng khác	71.951.664.093	78.879.970.023
b. Bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	6.737.959.249	6.230.994.329
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP. Hồ Chí Minh	75.524.400	32.940.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	62.792.820	52.745.850
	97.417.759.759	**133.305.952.010**

Công ty có khả năng thanh toán toàn bộ số dư các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/nộp trong năm	Số đã thu/nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	9.766.155	-	-	9.766.155
Thuế khác	500.000	3.500.000	4.000.000	-
	10.266.155	**3.500.000**	**4.000.000**	**9.766.155**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	298.419.969	298.419.969	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	367.716.784	367.716.784	-
Thuế thu nhập cá nhân	979.996.438	1.515.138.346	2.361.462.766	133.672.018
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.725.290.053	22.103.555.198	33.383.777.906	9.445.067.345
Thuế nhà thầu	-	277.525.164	277.525.164	-
Thuế khác	-	160.000	160.000	-
	21.705.286.491	**24.562.515.461**	**36.689.062.589**	**9.578.739.363**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Bên thứ ba		
China Resource Chartering Pte Ltd	-	333.494.915
Lighthouse Navigation Singapore Pte Ltd	-	114.392.849
Công ty Cổ phần Mega Market	33.789.246	33.789.246
b. Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	50.000.000	50.000.000
	83.789.246	**531.677.010**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	6.715.053.370	5.232.938.857
Chi phí phải trả khác	20.901.165.208	2.173.313.812
	27.616.218.578	**7.406.252.669**

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 thể hiện giá trị cước thuê tàu mà Công ty đã nhận trước từ các khách hàng thuê tàu. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cước thuê tàu PVT Coral	2.907.939.886	-
Cước thuê tàu PVT Saturn	1.940.047.440	-
Cước thuê tàu PVT Neptune	1.053.797.386	-
Cước thuê tàu PVT Jupiter	-	8.383.829.950
Cước thuê tàu PVT Diamond	-	5.475.370.783
Cước thuê tàu PVT Topaz	-	2.103.261.087
Cước thuê tàu PVT Pearl	-	407.093.592
	5.901.784.712	**16.369.555.412**

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Nhận ký quỹ của thuyền viên	9.620.330.586	9.006.458.418
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	39.474.630	26.405.036
Kinh phí công đoàn	189.148.452	493.571.803
Phải trả khác	4.692.144.837	6.602.127.085
b. Bên liên quan		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam")	296.972.932	296.972.932
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	639.503.933	836.442.466
Các cổ đông Công ty	4.710.574.430	4.108.580.900
	20.188.149.800	**21.370.558.640**

21. VAY

	Số đầu năm	Biến động trong năm				Số cuối năm
		Nhận vay	Phân loại lại vay dài hạn đến hạn trả	Trả vay	Chênh lệch tỷ giá	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	136.396.814.492	-	198.226.389.126	(144.196.828.112)	429.740.955	190.856.116.461
Vay dài hạn	789.229.491.284	211.000.000.000	(198.226.389.126)	-	1.770.183.352	803.773.285.510

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn (i)		
- Vay dài hạn	167.668.620.000	215.573.940.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	47.905.320.000	23.952.660.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành (ii)		
- Vay dài hạn	16.771.988.728	33.543.977.450
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.771.988.725	16.771.988.724
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông (iii)		
- Vay dài hạn	44.491.826.782	58.770.723.834
- Nợ dài hạn đến hạn trả	16.178.807.736	15.672.165.768
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền (iv)		
- Vay dài hạn	401.340.850.000	481.340.850.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (v)		
- Vay dài hạn	173.500.000.000	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	30.000.000.000	-
	994.629.401.971	**925.626.305.776**
Trong đó:		
- Vay dài hạn	803.773.285.510	789.229.491.284
- Nợ dài hạn đến hạn trả	190.856.116.461	136.396.814.492

(i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Sài Gòn được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 017/23/02/0085 ký ngày 17 tháng 5 năm 2023 với hạn mức tín dụng tối đa là tương đương 12.740.000 Đô la Mỹ nhưng tối đa không quá 309.523.200.000 Việt Nam đồng để đầu tư mua tàu PVT Jupiter. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên là ngày 17 tháng 5 năm 2023. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Jupiter. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm theo thỏa thuận giữa ngân hàng và Công ty tại thời điểm nhận nợ.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Bến Thành được giải ngân theo Hợp đồng cho vay số 570/2020/HDTD/BTA/01 ký ngày 30 tháng 11 năm 2020 với hạn mức tín dụng là 5.250.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Venus. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 03 tháng 12 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Venus. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở lãi suất cơ sở dài hạn đồng USD 3 tháng cộng 2,2%/năm.

(iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 0675/2019/HĐTD-OCB-DN ký ngày 20 tháng 8 năm 2019 với số tiền vay là 5.827.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu PVT Neptune. Thời hạn vay là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 26 tháng 8 năm 2019. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Neptune. Lãi suất vay được áp dụng riêng cho từng thời điểm và được xác định trên cơ sở SOFR 6 tháng cộng α (0,17028%/năm) cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Theo Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0675.02/SĐBS-HĐTD ký ngày 10 tháng 10 năm 2024, biên độ tối thiểu được điều chỉnh thành 1,6%/năm.

(iv) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Tràng Tiền được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2024/5472615/HĐTD ký ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Hợp đồng tín dụng số 03/2024/5472615/HĐTD ký ngày 22 tháng 10 năm 2024 với hạn mức tín dụng tối đa lần lượt là 275 tỷ đồng và 300 tỷ đồng để đầu tư mua tàu PVT Topaz và PVT Coral. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên lần lượt là ngày 29 tháng 8 năm 2024 và ngày 01 tháng 11 năm 2024. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Topaz và PVT Coral. Lãi suất vay được áp dụng cố định cho 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên là 6,5%/năm. Đối với khoản vay mua tàu PVT Topaz, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ tối thiểu 2,2%/năm, trong đó lãi suất cở sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh. Đối với khoản vay mua tàu PVT Coral, các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau bình quân của 04 ngân hàng TMCP Nhà nước là BIDV, Vietcombank, Vietinbank, Agribank công bố tại thời điểm điều chỉnh.

(v) Khoản vay dài hạn từ Thương mại Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa được giải ngân theo Hợp đồng tín dụng số 01/2025/5472615/HĐTD ký ngày 30 tháng 7 năm 2025 với hạn mức tín dụng tối đa là 211 ty đồng để đầu tư mua tàu PVT Emerald. Thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu PVT Emerald. Lãi suất vay được áp dụng cố định là 6,1%/năm trong 02 năm kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Các năm tiếp theo lãi suất cho vay được xác định trên lãi suất cơ sở cộng biên độ 2,0%/năm, trong đó lãi suất cơ sở được tính bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân bằng Việt Nam đồng kỳ hạn 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	190.856.116.461	136.396.814.492
Trong năm thứ hai	190.856.116.464	160.349.474.492
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	478.076.319.046	443.586.506.792
Sau năm năm	134.840.850.000	185.293.510.000
	994.629.401.971	**925.626.305.776**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (trình bày tại khoản mục vay ngắn hạn)	(190.856.116.461)	(136.396.814.492)
	803.773.285.510	**789.229.491.284**

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	79.314.926	793.149.260.000	66.095.966	660.959.660.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	79.314.926	793.149.260.000	66.095.966	660.959.660.000

Cổ phần	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phần đã chào bán ra công chúng	**79.314.926**	**66.095.966**
+ Cổ phần phổ thông	79.314.926	66.095.966
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	**79.314.926**	**66.095.966**
+ Cổ phần phổ thông	79.314.926	66.095.966

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**430.873.310.000**	**(162.054.545)**	**97.849.574.017**	**65.911.129.806**	**594.471.959.278**
Tăng vốn trong năm	230.086.350.000	-	-	-	230.086.350.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	224.355.522.439	224.355.522.439
Điều chỉnh thặng dư vốn cổ phần	-	(244.100.000)	-	-	(244.100.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	16.016.908.237	(16.016.908.237)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.484.734.306)	(4.484.734.306)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.922.028.988)	(1.922.028.988)
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(43.087.331.000)	(43.087.331.000)
Số dư cuối năm nay	**660.959.660.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**224.755.649.714**	**999.175.637.423**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	89.567.912.106	89.567.912.106
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	132.189.600.000	-	-	(132.189.600.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	(33.047.983.000)	(33.047.983.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(11.217.776.122)	(11.217.776.122)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (ii)	-	-	-	(3.365.332.837)	(3.365.332.837)
Số dư cuối năm	**793.149.260.000**	**(406.154.545)**	**113.866.482.254**	**134.502.869.861**	**1.041.112.457.570**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc cổ tức cho cổ đông hiện hữu, bao gồm:

- chi trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 33.047.983.000 đồng; và
- chi trả cổ tức bằng việc phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 132.189.600.000 đồng.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt trong Quý 3 và Quý 4 năm 2025. Đồng thời, trong tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc phát hành thêm 13.218.960 cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông.

(ii) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ nêu trên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Báo cáo tiến độ sử dụng vốn từ đợt chào bán 23.008.635 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ Công ty từ 431 tỷ đồng lên 661 tỷ đồng trong năm 2024 và đề xuất tiếp tục sử dụng số tiền vốn huy động từ đợt chào bán này để thực hiện dự án đầu tư mua tàu hàng rời Handysize trọng tải khoảng 25.000 – 39.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) trong năm 2025. Theo đó, ngày 04 tháng 8 năm 2025, Công ty đã hoàn thành triển khai sử dụng nguồn vốn này để thực hiện mua và nhận bàn giao tàu hàng rời Sea Dolphin C (IMO No. 9486427, trọng tải 33.802 DWT, đóng năm 2011 tại Hàn Quốc). Tàu sau khi mua đã được đổi tên thành PVT Emerald.

Chi tiết các cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	411.423.280.000	51,87	342.852.740.000	51,87
Công ty TNHH Tân Long	180.980.430.000	22,82	150.817.030.000	22,82
Các cổ đông khác	200.745.550.000	25,31	167.289.890.000	25,31
	793.149.260.000	**100**	**660.959.660.000**	**100**

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	1.093.944	1.038.796
Euro ("EUR")	100	1.937

Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Prudensol Inc.	5.861.080.914	5.861.080.914
Victory Tankers Ltd.	1.201.399.233	1.201.399.233
Khác	1.861.674.645	1.861.674.645
	8.924.154.792	**8.924.154.792**

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	176.729.599.789	173.182.742.703

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	169.280.243.500	171.439.808.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	369.411.829.600	500.283.857.100
Trên năm năm	-	37.939.216.000
	538.692.073.100	**709.662.881.600**

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê phải trả cho các hợp đồng thuê như sau:

- Thuê văn phòng tại Lầu 8, Cao ốc Citilight, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn thuê là 03 năm đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027;
- Thuê xe phải trả cho thời gian sử dụng trong năm;
- Thuê tàu từ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí ("PVTrans"):
  - Thuê tàu PVT Saturn theo hợp đồng số 100/HD2017/PVT-PĐV ký ngày 22 tháng 6 năm 2017 và phụ lục hợp đồng ký ngày 18 tháng 10 năm 2022 với thời hạn thuê là 07 năm + 04 năm (theo quyền lựa chọn của bên cho thuê) tính từ ngày 22 tháng 6 năm 2022. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

  - Thuê tàu PVT Diamond theo hợp đồng số 50/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 19 tháng 4 năm 2021 và thuê tàu PVT Flora theo hợp đồng số 143/HD2021/PVT-PVOS ký ngày 29 tháng 10 năm 2021 với thời hạn thuê lần lượt là 07 năm và 06 năm tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo hợp đồng thuê PVTrans có quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, Công ty sẽ tham gia mua tàu PVT Diamond với giá mua tại thời điểm năm thứ 07 sau thời điểm bàn giao tàu là 4.500.000 Đô la mỹ và mua tàu PVT Flora với giá mua tại thời điểm năm thứ 05 hoặc năm thứ 06 sau thời điểm bàn giao tàu với giá lần lượt là 6.750.000 Đô la Mỹ và 5.000.000 Đô la Mỹ. Đồng thời, trong năm 2021 Công ty cũng đã ký kết 02 Biên bản thỏa thuận bán tàu PVT Diamond và tàu PVT Flora với cổ đông lớn là Công ty TNHH Tân Long ("Tân Long"), trong đó quy định khi Công ty có nhu cầu bán, Tân Long cam kết mua lại. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

  - Thuê tàu PVT Pearl theo hợp đồng số 152/HD2023/PVT-PVTL ký ngày 27 tháng 9 năm 2023 với thời hạn thuê là 07 năm + 04 năm (theo quyền lựa chọn của PVTrans) tính từ ngày ký kết hợp đồng. Theo phụ lục hợp đồng thuê, sau thời hạn cho thuê 07 năm đầu, PVTrans được quyền quyết định việc bán tàu hoặc cho thuê tiếp và Công ty phải có nghĩa vụ thực hiện theo phương án do PVTrans lựa chọn. Trong trường hợp PVTrans quyết định bán tàu, PVTrans sẽ thực hiện bán theo quy định hiện hành của pháp luật và Công ty có thể tham gia mua theo giá thị trường. Việc mua bán (nếu có) sẽ tuân thủ theo quy định của Pháp luật tại thời điểm thực hiện giao dịch.

Cam kết vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt các dự án đầu tư trong năm như sau:

- Dự án đầu tư chuyển tiếp gồm:
  - 01 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000 – 25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-03/23) với tổng mức đầu tư 25 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 7,64 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 17,36 triệu Đô la Mỹ
  - 01 tàu chở hàng rời trọng tải khoảng 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-02/22) với tổng mức đầu tư 12 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 8,4 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 3,6 triệu Đô la Mỹ.

- Dự án đầu tư mới gồm 02 tàu chở dầu/hóa chất trọng tải khoảng 19.000-25.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HC-06/25 và PDV-HC-07/25) hoặc 02 tàu hàng rời 25.000-75.000 DWT (Mã số dự án: PDV-HR-06/25 và PDV-HR-07/25) với tổng mức đầu tư 50 triệu Đô la Mỹ. Trong đó, vốn chủ sỡ hữu là 15,28 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 34,72 triệu Đô la Mỹ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, ngoại trừ dự án PDV-HR-02/22 đã hoàn thành đầu tư trong năm 2025 (chi tiết tại Thuyết minh số 22), Công ty vẫn đang tiến hành triển khai, thực hiện các chủ trương đầu tư nêu trên, chưa có bất kỳ thỏa thuận nào với đối tác được ký kết.

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển; Bộ phận kinh doanh thương mại; Bộ phận kinh doanh dịch vụ đại lý và Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận chuyển - kinh doanh vận tải bằng tàu. Toàn bộ doanh thu dịch vụ vận chuyển – kinh doanh vận tài bằng tàu đều là doanh thu phát sinh từ hoạt động vận tải quốc tế.

- Bộ phận kinh doanh thương mại - kinh doanh mua bán mặt hàng hạt nhựa và hàng hóa khác được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Nam.

- Bộ phận kinh doanh các hoạt động khác bao gồm kinh doanh dịch vụ đại lý - kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển được thực hiện toàn bộ ở thị trường Việt Na và kinh doanh từ cấp dầu, chuyển tải, cảng phí,.v.v. được thực hiện ở cả thị trường quốc tế và thị trường Việt Nam.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

SỐ CUỐI NĂM	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	2.729.263.980.351	-	1.108.015.133	2.730.371.995.484
Tài sản không phân bổ				(496.339.238.295)
Tổng tài sản				**2.234.032.757.189**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.161.430.247.208	-	5.197.222.348	1.166.627.469.556
Nợ phải trả không phân bổ				26.292.830.063
Tổng nợ phải trả				**1.192.920.299.619**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM NAY	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.140.258.691.228	783.306.867.565	14.008.102.839	1.937.573.661.632
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	165.266.974.570	291.708.635	2.341.536.441	167.900.219.646
Chi phí không phân bổ				(54.122.844.310)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				113.777.375.336
Doanh thu hoạt động tài chính				25.213.016.797
Lợi nhuận khác				40.439.018.760
Chi phí tài chính				(68.431.579.000)
Lợi nhuận trước thuế				110.997.831.893
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(22.103.555.198)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				673.635.411
Lợi nhuận trong năm				89.567.912.106

Bảng cân đối kế toán

SỐ ĐẦU NĂM	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.681.170.678.759	11.176.339.488	2.146.107.303	1.694.493.125.550
Tài sản không phân bổ				470.197.529.668
Tổng tài sản				**2.164.690.655.218**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	1.106.866.333.718	11.367.191.950	18.433.542.079	1.136.667.067.747
Nợ phải trả không phân bổ				28.847.950.048
Tổng nợ phải trả				**1.165.515.017.795**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

NĂM TRƯỚC	Dịch vụ vận chuyển	Thương mại	Hoạt động khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.103.372.469.226	239.305.479.073	19.599.341.309	1.362.277.289.608
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	212.925.196.768	232.223.387	3.639.772.561	216.797.192.716
Chi phí không phân bổ				(61.404.665.626)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				155.392.527.090
Doanh thu hoạt động tài chính				28.736.674.351
Lợi nhuận khác				160.543.342.097
Chi phí tài chính				(64.274.442.501)
Lợi nhuận trước thuế				280.398.101.037
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(56.042.578.598)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận trong năm				224.355.522.439

26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thương mại	783.306.867.565	239.305.479.073
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	1.140.258.691.228	1.103.372.469.226
Doanh thu hoạt động khác	14.008.102.839	19.599.341.309
	1.937.573.661.632	**1.362.277.289.608**

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thương mại	783.015.158.930	239.073.255.686
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	974.991.716.658	890.447.272.458
Giá vốn hoạt động khác	11.666.566.398	15.959.568.748
	1.769.673.441.986	**1.145.480.096.892**

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	183.185.731.639	174.979.026.493
Chi phí nhân công	165.928.555.826	169.377.364.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.538.295.860	112.624.001.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.000.506.194	339.126.136.187
Chi phí khác bằng tiền	185.128.037.847	171.704.978.179
	1.040.781.127.366	**967.811.506.832**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	13.802.924.236	8.265.316.454
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.410.092.561	20.471.357.897
	25.213.016.797	**28.736.674.351**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	62.639.901.298	44.954.200.631
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.791.677.702	19.320.241.870
	68.431.579.000	**64.274.442.501**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương nhân viên	28.655.052.880	33.832.575.150
Chi phí mua ngoài	11.912.698.600	8.134.967.726
Các khoản khác	13.555.092.830	19.437.122.750
	54.122.844.310	**61.404.665.626**

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ bồi thường tổn thất tàu	39.096.723.433	968.948.414
Thu từ thanh lý TSCĐ	-	158.796.307.254
Thu nhập khác	4.891.646.881	1.277.096.681
	43.988.370.314	**161.042.352.349**

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**110.997.831.893**	**280.398.101.037**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.888.121.153	1.073.707.301
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(3.368.177.054)	(1.258.915.347)
Thu nhập chịu thuế	**110.517.775.992**	**280.212.892.991**
Thuế suất	20%	*20%*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**22.103.555.198**	**56.042.578.598**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	89.567.912.106	224.355.522.439
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	4.478.395.605	11.217.776.122
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	1.343.518.682	3.365.332.837
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	83.745.997.819	209.772.413.480
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	66.709.961	66.709.961
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.255**	**3.145**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trích theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/NQ-PĐV-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025. Theo đó, quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo tỷ lệ là 5% trên lợi nhuận sau thuế và quỹ khen thưởng Ban điều hành được trích theo tỷ lệ là 1,5% trên lợi nhuận sau thuế.

Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính dựa trên tỷ lệ trích thực tế của năm 2024 lần lượt là 5% và 1,5% trên lợi nhuận sau thuế.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế và cổ tức cổ phiếu ưu đãi được phân phối từ lợi nhuận năm 2024. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số sau trình bày lại
	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	224.355.522.439	-	224.355.522.439
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15.704.886.571	(4.487.110.449)	11.217.776.122
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	6.730.665.673	(3.365.332.836)	3.365.332.837
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	201.919.970.195	7.852.443.285	209.772.413.480
Số bình quân gia quyền của cổ phần đang lưu hành trong năm (cổ phiếu)	49.122.383	17.587.579	66.709.961
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.111	(966)	3.145

Trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này, không có giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (trước đây là "Tập đoàn Dầu khí Việt Nam")	Cổ đông lớn của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Cùng Công ty mẹ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam - Người điều hành Lô 01/97 & 02/97	Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam
Công ty TNHH Tân Long	Cổ đông lớn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu quản lý tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	13.700.878.517	14.358.307.219
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	6.000.000	-
Doanh thu khác		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.000.000	3.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.000.000	31.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	540.808.105
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	66.729.217
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	14.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	-	3.500.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	-	3.500.000
Công ty Bảo Hiểm PVI Phía Nam	4.701.084.475	-
Thu nhập tài chính (lãi tiền gửi ngân hàng)		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	2.842.224.762	1.672.808.029
Mua hàng hóa/dịch vụ trong năm		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	185.027.110.415	176.903.899.239
Công ty Bảo Hiểm PVI Phía Nam	16.654.358.032	-
Công ty Bảo Hiểm PVI Bến Thành	884.665.850	-
Chi nhánh công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	550.480.000	362.204.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	228.903.543	264.338.253
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Khí Đông Dương	116.253.500	82.188.750
Thu hộ chi hộ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	11.343.400.377	17.277.725.935
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	-	1.035.438.832
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam – Người điều hành Lô 01/97 & 02/97	-	1.761.130.000
Nhận tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông lớn		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	119.350.300.000
Công ty TNHH Tân Long	-	39.463.030.000
Cổ tức chi trả bằng tiền mặt		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	17.142.637.000	22.350.244.000
Công ty TNHH Tân Long	7.540.851.500	11.135.400.000
Cổ tức chi trả bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	68.570.540.000	-
Công ty TNHH Tân Long	30.163.400.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	5.093.819.035	6.926.467.541

Chi tiết thu nhập (theo quỹ lương của Công ty) của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm theo từng đối tượng như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Hồ Sĩ Thuận	Chủ tịch HĐQT (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025)	457.300.000	1.711.418.182
	Giám đốc (đến ngày 01 tháng 7 năm 2025)	471.000.000	-
Ông Lê Trúc Lâm	Thành viên HĐQT/Giám đốc (từ ngày 01 tháng 7 năm 2025)	434.842.000	703.704.000
	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 01 tháng 7 năm 2025)	410.760.000	-
Ông Đoàn Đình Hiếu	Thành viên HĐQT	30.000.000	210.000.000
Ông Nguyễn Hoài Phương	Thành viên HĐQT	60.000.000	240.000.000
Ông Nguyễn Trọng Quý	Thành viên HĐQT	-	240.000.000
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT	-	40.000.000
Ông Hoàng Minh Tuân	Thành viên HĐQT độc lập	60.000.000	40.000.000
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT độc lập	30.000.000	-
Ông Vũ Trọng Độ	Phó Giám đốc	808.699.600	1.090.764.182
Ông Nguyễn Xuân Lộc	Phó Giám đốc	790.316.800	1.101.439.600
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Giám đốc	737.140.078	-
Ông Trần Hồng Kiên	Phó Giám đốc	-	537.960.520
Ông Nguyễn Thái Đạo	Kế toán trưởng	695.760.557	823.181.057
Bà Bùi Lan Anh	Trưởng Ban Kiểm Soát	48.000.000	62.000.000
Ông Nguyễn Đức Quân	Thành viên Ban Kiểm Soát	30.000.000	50.000.000
Bà Vũ Thị Phượng	Thành viên Ban Kiểm Soát	30.000.000	20.000.000
Bà Võ Thị Thanh Tùng	Trưởng Ban Kiểm Soát	-	56.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính được trình bày trong các Thuyết minh số 7, 9, 15, 17 và 20.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 6.715.053.370 đồng (năm 2024: 5.232.938.857 đồng), là số tiền lãi vay phải trả phát sinh trong năm nay nhưng chưa thanh toán, và đã bao gồm số tiền 5.232.938.857 đồng (năm 2024: 2.827.536.350 đồng) là số tiền lãi vay phải trả chưa thanh toán vào cuối năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 952.205.480 đồng (năm 2024: 3.286.863.016 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm chưa nhận được, và đã bao gồm số tiền 3.286.863.016 đồng (năm 2024: 962.654.793 đồng) là số tiền thu nhập lãi tiền gửi phát sinh trong năm trước đã nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản trong năm không bao gồm số tiền 300.201.225 đồng (năm 2024: 1.429.653.985 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi mua tài sản trong năm đã bao gồm số tiền 80.585.396 đồng (năm 2024: 0 đồng) là số tiền đã thanh toán trước để mua sắm tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi trả cổ tức đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 4.710.574.430 đồng (2024: 4.108.580.900 đồng) là số tiền dùng để chi trả cổ tức cho cổ đông phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Lê Thị Thu Hồng	**Nguyễn Thái Đạo**	**Lê Trúc Lâm**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 23 tháng 3 năm 2026



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza,
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84 24 7107 0000

Văn phòng Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 7101 4555

Website: www.deloitte.com/vn
Email: deloittevietnam@deloitte.com

© Deloitte Vietnam